

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~123~~ /CV-HUD3

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng HUD3

- Mã chứng khoán: HU3

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, tòa nhà HUD3 Tower, số 121, 123 Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội.

- Điện thoại: 024 33824572, Fax: 024 33827991

- E-mail: hud3@hud.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố (*): Hợp đồng soát xét và kiểm toán về việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2022 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng HUD3.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 29/07/2022 tại đường dẫn : <http://hud3.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm

Hợp đồng số 80/2023/HĐKT-CPA VIETNAM-NV3.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



GIÁM ĐỐC

Đinh Hoàng Tùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 80/2023/HĐKT-CPA VIETNAM-NV3

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2022

HỢP ĐỒNG SOÁT XÉT VÀ KIỂM TOÁN

*Về việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2022
và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 3*

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán, ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410: Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, ban hành kèm theo thông tư số 65/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 của Bộ Tài chính.

Căn cứ vào thỏa thuận đã được thống nhất giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 3 và Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM cung cấp dịch vụ Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2022 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Hợp đồng này được lập tại Hà Nội, bởi và giữa: (“các Bên”)

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Đại diện là: Ông Đinh Hoàng Tùng
Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại: 84. 24. 3382 4572
Fax: 84. 24. 3382 7991
Địa chỉ: Tòa nhà HUD3 Tower, 121-123 Tô Hiệu, Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế: 0500227640
Tài khoản: 4501 0000000 657 tại BIDV Hà Tây

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Đại diện là: Bùi Thị Thúy
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch
HĐTV, Tổng Giám đốc
Điện thoại: 84. 24. 3783 2121
Fax: 84. 24. 3783 2122
Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi,
P.Thanh Xuân Trung, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế: 0101917917
Tài khoản: 29666689 88888 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Thanh Xuân
Tên tài khoản: Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Hai Bên thống nhất hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

- Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của bên A cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

Mục đích của cuộc soát xét là để Bên B đưa ra kết luận về việc liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến cho Bên B cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

- Kiểm toán Báo cáo tài chính của bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Mục đích của cuộc kiểm toán là để Bên B có được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính của Bên A trên phương diện tổng thể có các sai sót trọng yếu do nhầm lẫn hay do gian lận hay không, và đưa ra ý kiến kiểm toán về việc liệu Báo cáo tài chính của Bên A có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Bên A tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính .

Sau đây gọi chung Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 là “Báo cáo tài chính”.

Điều 2: Luật định và Chuẩn mực

Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A sẽ được Bên B thực hiện theo Chuẩn mực Việt Nam về dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Dịch vụ kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.

Điều 3: Trách nhiệm của các Bên

Trách nhiệm của Bên A

Cuộc soát xét và kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và những người chịu trách nhiệm về quản trị doanh nghiệp (trong phạm vi phù hợp) của Bên A hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- b) Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị (trong phạm vi phù hợp) xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;

- c) Đảm bảo các sổ kế toán và chứng từ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng;
- d) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc và Ban Quản trị (trong phạm vi phù hợp) cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của việc soát xét/kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng soát xét/kiểm toán.
 - Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình soát xét/kiểm toán.
- e) Ban Giám đốc và Ban Quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình soát xét và quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện và Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót và tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính do Bên B tổng hợp trong quá trình soát xét/kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính.
- f) Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.
- g) Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của Bên B

- a) Đối với dịch vụ soát xét:
 - Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.
 - Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính, kế toán và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét Báo cáo tài chính về cơ bản hẹp hơn phạm vi một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính giữa niên độ.
 - Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của Bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhằm lẫn hay các hành vi vi phạm

pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung, kế hoạch soát xét và kết quả soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét;
- Bên B thực hiện công việc soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố;
- Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện soát xét. Theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận của mình về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A.

b) Đối với dịch vụ kiểm toán:

- Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể của Báo cáo tài chính.
- Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung, kế hoạch kiểm toán và kết quả kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.
- Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.
- Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

Điều 4:

Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán

Đối với dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ:

- Sau khi kết thúc công việc soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 06 (sáu) bộ Báo cáo soát xét kèm theo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét, hai (02) bộ Thư quản lý (nếu có) đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.

Báo cáo soát xét kèm theo Báo cáo tài chính giữa niên độ sẽ được lập bằng văn bản. Báo cáo soát xét gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định và các chuẩn mực khác có liên quan.

Đối với dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính :

- Sau khi kết thúc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 06 (sáu) bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán; hai (02) bộ Thư quản lý (nếu có), đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và số 706, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được soát xét/kiểm toán, Ban Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Việc nộp các báo cáo này cho các cơ quan chức năng thuộc trách nhiệm của Bên A..

Điều 5:

Kế hoạch thực hiện

Công việc soát xét/kiểm toán được thực hiện khi có sự thống nhất kế hoạch làm việc giữa hai Bên.

*** Đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ:**

- Thời gian kiểm toán tại HUD3: Từ ngày 19/07 đến 20/07/2022
- Thời gian chốt số liệu: Trước ngày 26/07/2022
- Thời gian phát hành Báo cáo: Trước ngày 31/07/2022

*** Đối với Báo cáo tài chính năm 2022:**

- Thời gian kiểm toán tại HUD3: Từ ngày 21/01 đến 26/01/2023
- Thời gian chốt số liệu: Trước ngày 15/02/2023
- Thời gian phát hành Báo cáo: Trước ngày 22/02/2023

Thời gian hoàn thành công việc soát xét/kiểm toán và phát hành Báo cáo phụ thuộc vào việc cung cấp tài liệu của Bên A và các thoả thuận khác trong quá trình soát xét và kiểm toán.

Điều 6:

Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

1) Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là **100.000.000 đồng**. (Bằng chữ: **Một trăm triệu đồng chẵn**). Phí dịch vụ chưa bao gồm thuế GTGT.

Mức phí trên được tính toán trên cơ sở trách nhiệm, kinh nghiệm và thời gian cần thiết để thực hiện công việc. Mức phí trên được tính dựa trên các giả định sau: (1) Bên A cung cấp kịp thời và đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của Bên B, (2) không có bất kỳ sự chậm trễ nào trong suốt quá trình soát xét/kiểm toán hoặc thay đổi phạm vi soát xét và kiểm toán bởi những sự kiện ngoài tầm kiểm soát của Bên B, (3) hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả trong suốt giai đoạn được soát xét và kiểm toán, (4) chỉ phát sinh những điều chỉnh không đáng kể trong quá trình Kiểm toán (được điều chỉnh hoặc không điều chỉnh), (5) kế hoạch thời gian và khối lượng công việc của Bên B đã được ước tính hợp lý và (6) Bên A chi trả kịp thời theo khoản 2 điều này.

2) Phương thức thanh toán:

Tạm ứng 50% tổng giá trị của Hợp đồng ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

Số phí còn lại sẽ được thanh toán ngay khi Bên B giao đầy đủ Báo cáo kiểm toán, Thư quản lý (nếu có) và hồ sơ Thanh lý hợp đồng.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Nếu Bên A vi phạm điều khoản thanh toán (*theo quy định tại điều 6 khoản 2 của Hợp đồng này*) cụ thể là chậm thanh toán phí dịch vụ cho Bên B, Bên A sẽ phải chịu khoản lãi suất quá hạn (lãi suất phạt) đối với khoản tiền chậm thanh toán cho Bên B bằng 1,5 lần lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán khoản phí chậm trả.

Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Bên B.

Điều 7: Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác cung cấp ngoài các dịch vụ được nêu tại Điều 1 sẽ được tính riêng. Trong trường hợp Bên A cần Bên B cung cấp dịch vụ khác liên quan đến dịch vụ Kiểm toán, nội dung các dịch vụ này sẽ được trình bày tại Phụ lục hợp đồng kèm theo. Các dịch vụ không liên quan đến dịch vụ Kiểm toán sẽ được trình bày trong một hợp đồng riêng.

Điều 8: Cam kết thực hiện

Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi Bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Nếu trong quá trình thực hiện các điều khoản nêu trên, vì bất kỳ lý do gì (không phải do Bên B gây ra) dẫn đến việc Bên A yêu cầu Bên B ngừng thực hiện tiếp các công việc như đã nêu tại Điều 1 hoặc Bên B đã làm xong các trách nhiệm của Bên B như đã nêu tại Điều 3 nhưng Bên A vẫn yêu cầu chấm dứt hợp đồng kiểm toán hoặc từ chối không nhận Báo cáo kiểm toán thì Bên A sẽ phải thực hiện thanh toán đầy đủ cho Bên B các chi phí phát sinh tính từ thời điểm bắt đầu công việc kiểm toán (như đã nêu tại Điều 1) đến thời điểm Bên A yêu cầu chấm dứt thực hiện các trách nhiệm của Bên B.

Mọi tranh chấp, mâu thuẫn hoặc khác biệt phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng (gọi chung là “Tranh Chấp”) này sẽ được hai Bên thống nhất giải quyết bằng hòa giải và thương lượng. Trong trường hợp các Bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết Tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra Tranh chấp, các Bên có quyền yêu cầu Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) giải quyết theo quy tắc tố tụng của cơ quan trọng tài này. Nơi giải quyết Tranh chấp sẽ tại Thành phố Hà Nội.

Điều 9:

Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn Hợp đồng

Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản tiếng Việt, mỗi Bên giữ 03 (ba) bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên cho đến khi kết thúc Hợp đồng (thanh lý Hợp đồng, phát hành hoá đơn và thu tiền) hoặc khi có thỏa thuận hủy bỏ Hợp đồng của cả hai Bên.

Đại diện Bên B
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
CPA VIETNAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Thúy

Đại diện Bên A
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD 3
GIÁM ĐỐC



Đình Hoàng Tùng

